

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TƯ PHÁP

Số: *13* STP-TTR

V/v Phối hợp xây dựng báo cáo thực hiện Nghị Quyết 134/2020/QH14 của Quốc hội khoá XIV về công tác bồi thường nhà nước năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày *20* tháng 7 năm 2022

Kính gửi:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số: 2412/BTP-BTNN ngày 12/7/2022 của Bộ Tư pháp về việc phối hợp xây dựng báo cáo thực hiện Nghị Quyết 134/2020/QH14 của Quốc hội khoá XIV về công tác bồi thường nhà nước năm 2022; Công văn số 3359/UBND-NC ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh về việc tham mưu báo cáo kết quả thực hiện Nghị Quyết 134/2020/QH14 của Quốc hội khoá XIV về công tác bồi thường nhà nước năm 2022. Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp xây dựng báo cáo, thống kê tình hình thực hiện Nghị Quyết 134/2020/QH14 của Quốc hội khoá XIV về công tác bồi thường nhà nước năm 2022, cụ thể như sau:

1. Phạm vi thông tin báo cáo: Thông tin, báo cáo về tình hình giải quyết các vụ, việc yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án dân sự tại địa phương.

2. Nội dung báo cáo, thông tin:

- Nội dung báo cáo tập trung vào việc đánh giá về tình hình thụ lý, giải quyết vụ việc bồi thường nhà nước, những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong thụ lý, giải quyết vụ việc bồi thường nhà nước thuộc phạm vi quản lý của quy cơ quan (theo Phụ lục số 01)

Thông tin về tình hình giải quyết vụ, việc bồi thường nhà nước (theo phụ lục số 02)

3. Thống kê số liệu và gửi báo cáo:

a) Thời điểm chốt thống kê số liệu:

- Thống kê các vụ, việc yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường đã được thụ lý nhưng chưa giải quyết và các vụ việc, đã được thụ lý, đang giải quyết, từ ngày **16/7/2021** đến ngày **15/7/2022**.

- Thống kê các vụ, việc chưa thụ lý nhưng do các cơ quan liên quan đang còn có ý kiến khác nhau, từ ngày **16/7/2021** đến ngày **15/7/2022** (nếu có).

b) Gửi thông tin, báo cáo:

Báo cáo bằng văn bản về Sở Tư pháp, đồng thời gửi file mềm về địa chỉ email: **nguyenduclinh@quangtri.gov.vn** trước ngày **25/7/2022** để Sở Tư pháp tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

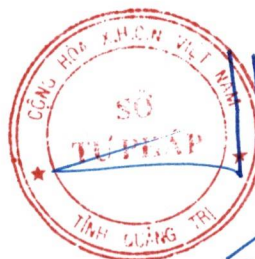
Lưu ý: UBND cấp huyện, tổng hợp số liệu tại UBND cấp huyện và của UBND cấp xã; Cục THADS tổng hợp số liệu tại các Chi Cục THADS, Các cơ quan tổ tụng tổng hợp số liệu tại các cơ quan tổ tụng cấp huyện.

(Đề cương báo cáo và phụ lục đính kèm đăng tải trên Website của Sở Tư pháp tại địa chỉ: [http:// www.sotuphapquangtri.gov.vn](http://www.sotuphapquangtri.gov.vn))

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, TTr.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Kỳ

Phụ lục số 01
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Kèm theo Công văn số /BTP-BTNN ngày tháng 7 năm 2022)

CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 về tình hình
giải quyết vụ, việc yêu cầu bồi thường nhà nước năm 2021 theo Luật Trách
nhiệm bồi thường của Nhà nước**

1. Đánh giá tình hình yêu cầu bồi thường, kết quả giải quyết bồi thường.
2. Đánh giá sự chuyển biến, kết quả thực tế việc giải quyết bồi thường nhà nước so với thời điểm trước khi ban hành Nghị quyết số 134/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội khóa XIV.
3. Những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại hạn chế trong việc giải quyết yêu cầu bồi thường (nếu có).
4. Phương hướng, giải pháp, mục tiêu thực hiện trong thời gian tới đối với những vụ việc bồi thường nhà nước chưa được giải quyết.
5. Thông tin về tình hình giải quyết vụ việc bồi thường nhà nước đối với các vụ việc đã được thụ lý¹ nhưng chưa giải quyết xong² trong năm 2021 chuyển sang năm 2022 để tiếp tục giải quyết; Thông tin các vụ việc yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường được thụ lý, giải quyết từ ngày 16/7/2021 đến 15/7/2022 (theo Phụ lục số 02).

¹ Những vụ việc đã có thông báo thụ lý số... ngày ..tháng..năm ... theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật TNBTCNN năm 2009 và tại khoản 4 Điều 43 Luật TNBTCNN năm 2017 và Mẫu 03/BTNN tại mục 3 Điều 3 Thông tư số 04...);

² Những vụ việc chưa có quyết định giải quyết bồi thường của cơ quan giải quyết bồi thường hoặc quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án.

IV TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH					
1					
2					
V TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ					
1					
2					
VI TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ					
1					
2					

II. Các vụ việc yêu cầu bồi thường nhưng chưa thụ lý do các cơ quan liên ngành đang còn có ý kiến khác nhau, tính đến ngày 15/7/2021 (nếu có).

STT	Họ và tên của người yêu cầu bồi thường	Địa chỉ của người yêu cầu bồi thường	Ý kiến của liên ngành trong việc thụ lý, giải quyết vụ việc	Ghi chú
1				
2				

Ngàytháng năm
Thủ trưởng cơ quan
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Người lập danh mục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý việc điền thông tin về các vụ việc yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường tại Phụ lục số 02

Cột số 1: Nếu người yêu cầu bồi thường là cá nhân người bị thiệt hại thì ghi họ tên của người bị thiệt hại hoặc người đại diện theo ủy quyền của người bị thiệt hại; đối với trường hợp người bị thiệt hại chết thì ghi họ tên người thừa kế của người bị thiệt hại; đối với trường hợp người bị thiệt hại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhân thức làm chủ hành vi thì ghi họ tên, địa chỉ của người đại diện theo pháp luật của cá nhân đó; nếu người yêu cầu bồi thường là tổ chức thì ghi tên tổ chức và ghi họ, tên của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.

Cột số 2: Nếu người yêu cầu bồi thường là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú tại thời điểm nộp văn bản yêu cầu bồi thường; nếu người yêu cầu bồi thường là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó tại thời điểm nộp văn bản yêu cầu bồi thường.

Cột số 3: Tên cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hay Tòa án giải quyết bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự, tố tụng hình sự hoặc tố tụng hành chính.

Cột số 4: Vụ việc được giải quyết theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 hoặc Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 hoặc Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra hoặc Nghị định số 47 - CP ngày 03/05/1997 về việc giải quyết bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra.

Cột số 5: Thông tin về tình hình giải quyết yêu cầu bồi thường (các nội dung cần nêu gồm: ngày tháng năm có văn bản yêu cầu bồi thường, thụ lý, tạm ứng kinh phí, xác minh, thương lượng, giải quyết bồi thường, v.v.).

Cột số 6: Thông tin vụ việc đã được chi trả tiền bồi thường theo quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ hoặc đã được chi trả theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án hoặc vụ việc chưa được chi trả (nêu rõ lý do chưa chi trả).

Cột số 7: Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường, chi trả tiền bồi thường.